

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ B
TỈNH Đ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **65/2022/DS-ST**

Ngày: 21/ 7 /2022

“V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ B– TỈNH Đ

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị B

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông: Nguyễn Văn N

2. Bà: Nguyễn Thị Kim C

-Thư ký phiên Tòa: Vũ Thị Thu T- Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B, tỉnh Đ tham gia phiên tòa: bà Trần Thị L- Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 7 năm 2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Đ mở phiên tòa sơ thẩm xét xử công khai vụ án dân sự thụ lý số: 665/2020/TLST-KDTM ngày 26 tháng 10 năm 2020 về việc: “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 32/2022/QĐXXST-DS ngày 27 tháng 4 năm 2022; Quyết định hoãn phiên tòa số: 548/2022/QĐST-DS ngày 27/5/2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Khuất Duy T, sinh năm 1949

Địa chỉ: số 43, Trần Q c, phường 12, quận B, thành phố H.

Đại diện ủy quyền: ông Nguyễn Thanh B, sinh năm 1991.

Địa chỉ; 04 N, thành phố P, tỉnh G. (Văn bản ủy quyền ngày 09/11/2020). (Có đơn xin xét xử vắng mặt tại phiên tòa).

- **Bị đơn:** bà Đỗ Minh L, sinh năm 1967.

Địa chỉ: E 365, tổ 13, khu phố 5, phường L, thành phố B, tỉnh Đ. (vắng mặt không lý do tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện và bản khai có tại hồ sơ, nguyên đơn ông Khuất Duy T và đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Nguyễn Thanh B trình bày:*

Ông Thuận và bà Đỗ Minh L do có mối quan hệ quen biết nên ông T đã cho bà L vay tiền, cụ thể như sau:

Ngày 08/3/2019, ông Khuất Duy T cho bà Đỗ Minh L vay số tiền 500 USD, thời hạn vay 01 (một) tháng kể từ ngày 08/3/2019, lãi suất thỏa thuận 3%/ tháng, cam kết nếu vi phạm thời hạn trả nợ thì sẽ bị phạt 10%.

Ngày 13/3/2019 ông T tiếp tục cho bà Lý vay 500 USD, việc vay nợ được ghi chung vào tờ giấy vay nợ ngày 08/3/2019 với các cam kết giống như ngày 08/3/2019.

Hết thời hạn vay nợ, bà L chưa trả cho ông T bất kỳ khoản tiền nào. Do đó, ông Khuất Duy T khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc bà L phải trả cho ông Khuất Duy T 1.000 USD và được quy đổi ra tiền Việt Nam tại thời điểm xét xử.

Tại các đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bản tự khai ngày 06/5/2022 và đơn xin xét xử vắng mặt ngày 21/7/2022 đại diện ủy quyền nguyên đơn ông Khuất Duy T đề nghị Tòa án nhân dân thành phố B tuyên buộc bà Đỗ Minh L phải trả cho ông Khuất Duy T 1.000 USD và được quy đổi ra tiền Việt Nam 23.335.000 đồng (Hai mươi ba triệu, ba trăm ba mươi lăm nghìn đồng), không yêu cầu bà L phải trả lãi.

***Bị đơn bà Đỗ Minh L:**

Bà L xác nhận có vay của ông Khuất Duy T số tiền 1.000 USD, nội dung vay giống như phía ông T và đại diện của ông T trình bày. Tuy nhiên bà L không đồng ý trả cho ông T số tiền này, bà L có yêu cầu ông T phải căn trừ vào tiền lương trong quá trình bà L làm việc tại Hợp tác xã N.

Ý kiến đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố B:

-Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và việc chấp hành của nguyên đơn kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án được thực hiện đúng quy định. Bị đơn thực hiện không đúng.

-Về đường lối giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố hợp đồng vay tài sản giữa ông Khuất Duy T và bà Đỗ Minh L là vô hiệu do vi phạm điều cấm của pháp luật, buộc bà Đỗ Minh L trả cho ông Khuất Duy T 23.335.000 đồng (Hai mươi ba triệu, ba trăm ba mươi lăm nghìn đồng).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

1/ Về thẩm quyền: Bị đơn bà Đỗ Minh L có địa chỉ tại: E 365, tổ 13, khu phố 5, phường L, thành phố B, tỉnh Đ và hiện bà L đang cư trú tại địa chỉ trên nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Đ.

2/ Về quan hệ pháp luật: Ông Khuất Duy T khởi kiện yêu cầu bà Đỗ Minh L phải trả cho ông số tiền 1.000 USD quy đổi ra tiền Việt Nam tại thời điểm xét xử theo giấy vay tiền ngày 08/3/2019 số tiền 500 USD và ngày 13/3/2019 số tiền 500 USD. Do đó, xác định quan hệ tranh chấp trong vụ án là “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Như vậy, việc ông Khuất Duy T cho bà Đỗ Minh L vay 1.000 USD đây là giao dịch dân sự vô hiệu vì giao dịch vi phạm điều cấm của pháp luật theo quy định tại Điều 117, 122, 123 Bộ luật dân sự năm 2015, nên cần tuyên bố giao dịch bằng ngoại tệ (1.000 USD) giữa ông Khuất Duy T và bà Đỗ Minh L là giao dịch vô hiệu.

3/ Về thủ tục tố tụng: Căn cứ vào khoản 1 Điều 207 và Khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

Ông Nguyễn Thanh B là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có đơn xin vắng mặt, bị đơn bà Đỗ Minh L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn

vắng mặt không lý do. Căn cứ Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông Nguyễn Thanh B và bà Đỗ Minh L.

4/ Về nội dung vụ án: Phía bị đơn bà Đỗ Minh L xác định có vay của nguyên đơn là ông Khuất Duy T 1000 USD theo đúng như trình bày của nguyên đơn và đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn, nhưng bà L không đồng ý trả cho ông T vì cho rằng ông T còn nợ tiền lương trong quá trình bà L làm việc tại Hợp tác xã N và ông T phải căn trừ khoản nợ này cho bà L. Quá trình làm việc Tòa án đã làm việc với bà L tại Biên bản đối chất ngày 15/12/2020 bút lục số 49, bà L xác định không có khởi kiện ông T để yêu cầu thanh toán tiền lương, nên về tranh chấp tiền lương giữa bà L với ông T, dành quyền khởi kiện cho các đương sự khi có yêu cầu, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết trong vụ án này.

Tuy nhiên, do giao dịch ngoại tệ (1.000 USD) giữa ông Khuất Duy T và bà Đỗ Minh L vi phạm điều cấm của pháp luật nên cần tuyên bố giao dịch vô hiệu. Căn cứ Điều 131 của Bộ luật dân sự năm 2015 về giải quyết hậu quả pháp lý của giao dịch dân sự vô hiệu. “Khi giao dịch dân sự vô hiệu thì các bên khôi phục lại tình trạng ban đầu, hoàn trả cho nhau những gì đã nhận, trường hợp không thể hoàn trả được bằng hiện vật thì trị giá thành tiền để hoàn trả”. Việc các bên cho nhau vay bằng ngoại tệ đã vi phạm điều cấm của pháp luật nên không thể buộc bị đơn trả cho nguyên đơn bằng USD (đô la Mỹ) như đã nhận. Do vậy, buộc bà Đỗ Minh L phải trả lại ông Khuất Duy T số tiền 1.000USD quy đổi ra tiền Việt Nam. Tại biên bản xác minh ngày 24/5/2022 theo thông tin tỷ giá đồng đô la Mỹ của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam niêm yết thì tỷ giá bán của đồng đô la Mỹ sang tiền Việt Nam đồng là 1 USD (đô la Mỹ)= 23.335 Việt Nam đồng. Như vậy, bà Đỗ Minh L có trách nhiệm trả cho ông Khuất Duy T 1000 USD= 23.335.000 đồng (Hai mươi ba triệu, ba trăm ba mươi lăm nghìn đồng) Việt Nam.

5/ Về án phí Dân sự sơ thẩm: bà Đỗ Minh L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 1.166.750 đồng (Một triệu, một trăm sáu mươi sáu nghìn, bảy trăm năm mươi đồng).

6/ Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố B phù hợp quy định của pháp luật với nhận định Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147; Điều 184; khoản 1 Điều 207; Điều 220; Điều 227, khoản 1 Điều 228; Điều 238; Điều 266 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

-Áp dụng Điều 22 Pháp lệnh số 28/2005/ PL-UBNTVQH 11 ngày 13/12/2005 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội;

Áp dụng Điều 122,123,131, 407, 463 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Áp dụng khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Khuất Duy T. Tuyên bố giao dịch bằng ngoại tệ giữa ông Khuất Duy T và bà Đỗ Minh L, ngày 08/3/2019 số tiền 500 USD và ngày 13/3/2019 số tiền 500 USD là giao dịch dân sự vô hiệu. Buộc

bà Đỗ Minh L trả cho ông Khuất Duy T số tiền 23.335.000 đồng (Hai mươi ba triệu, ba trăm ba mươi lăm nghìn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Đỗ Minh L phải chịu án phí sơ thẩm là 1.166.750 đồng (Một triệu, một trăm sáu mươi sáu nghìn, bảy trăm năm mươi đồng).

3. Về kháng cáo: Nguyên đơn và bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án theo quy định của pháp luật.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- Dương sự;
- TAND tỉnh;
- VKSND TP. B;
- Chi cục THADS TP. B;
- Lưu hồ sơ; Văn phòng.

Phạm Thị B